

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/2026/HS-ST**
Ngày: 25/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Sánh và bà Nguyễn Thị Lương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Bảo Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 35/2026/TLST-HS ngày 24/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 04/5/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn L** (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 20/3/1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố V, phường L, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Trần Văn Q** (Đã chết); Mẹ đẻ: **Lê Thị N**, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: + Tại Bản án số 226/2016/HSST ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 03 tháng 14 ngày tù, về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Khoản 1 Điều 104 BLHS (Chấp hành xong bản án ngày 09/11/2016).

+ Tại Bản án số 36/2021/HSST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai xử phạt 30 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS (Chấp hành xong bản án ngày 18/5/2023).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2026 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh T.(có mặt).

2. Họ và tên: **Đỗ Duy G** (tên gọi khác: Không), Sinh ngày: 15/5/1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố H, phường L, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Đỗ Duy H** (Đã chết); Mẹ đẻ: **Vũ Thị T**, sinh năm 1967; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: **Ngô Thị Hồng T1**, sinh năm 1996. Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Bị hại gồm:

1. **Đào Hồng D**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Xóm V, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (Có đơn xin vắng mặt)

2. **Đặng Thị X**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (Có đơn xin vắng mặt)

3. **Ninh Văn V**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (Có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng: **Ninh Văn N1**, sinh năm 2004; địa chỉ: **Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (vắng mặt)

Người chứng kiến: **Chu Văn T2**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 09/01/2026, trong khi ngồi uống bia với nhau tại quán bia thuộc **phường L, tỉnh Thái Nguyên**, **Trần Văn L** rủ **Đỗ Duy G** trưa ngày 10/01/2026 đi bắt trộm chó để bán lấy tiền tiêu xài, **G** đồng ý. **L** và **G** bàn bạc, thống nhất với nhau là **L** mang xe mô tô và bao tải dứa, **G** mang dụng cụ kích điện tự chế đi để bắn chó của dân, khi chó bị ngất thì cho chó vào bao đem bán lấy tiền chia nhau. Như đã hẹn, khoảng 12 giờ ngày 10/01/2026, **L** điều khiển xe mô tô BKS 20B1-203.90 đem theo bao tải dứa đến khu vực mỏ đá Núi Voi thuộc **phường L, tỉnh Thái Nguyên** thì gặp **G** đang ngồi đợi, **G** lên xe mô tô của **L** rồi cùng nhau đi đến đoạn đường trước sân rộng của Ủy ban nhân **huyện Đ** cũ (thuộc **xóm S, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**) thì cả hai phát hiện thấy có 01 con chó màu lông trắng sữa, loại chó cái của gia đình ông **Đào Hồng D**, sinh năm 1982, trú tại **xóm V, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**, **L** điều khiển xe áp sát lại gần con chó, **G** dùng dụng cụ kích điện bắn làm con chó ngất, **L** mở bao tải để **G** ôm chó cho vào bao. Sau đó, **L** tiếp tục điều khiển xe đi ra đường quốc lộ 1B hướng đi đến **xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** thì cả hai phát hiện 01 (một) con chó lông vàng xám, loại chó

đực của gia đình bà **Đặng Thị X** (sinh năm 1978, trú tại **xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**). **L** điều khiển xe mô tô áp sát gần con chó, **G** dùng dụng cụ kích điện bắn làm con chó bị ngất, **L** mở bao tải để **G** cho chó vào bao rồi **L** quay đầu xe tiếp tục điều khiển xe đi vào khu vực mỏ đá Na Đò thuộc **xóm B, xã Đ, Thái Nguyên** thì tiếp tục phát hiện 01 con chó màu lông trắng xám của gia đình ông **Ninh Văn V** (sinh năm 1981, trú tại **xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**), **L** điều khiển xe mô tô áp sát vào gần con chó rồi **G** dùng dụng cụ kích điện bắn vào con chó làm con chó bị ngất. Khoảng 14 giờ cùng ngày, **L** và **G** đang dùng dây rút buộc mõm con chó cho vào bao thì ông **V** cùng con trai là **Ninh Xuân N2** (sinh năm 2004, trú tại **xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**) đang đi tặc xi trên đường cùng một số người dân phát hiện, hô hoán. Cả hai bỏ chạy để lại xe mô tô và bao tải bên trong có 02 con chó mà **L** và **G** vừa trộm cắp được còn con chó của ông **V** đang bị **L, G** buộc mõm chạy thoát ra ngoài. Sau khi nhận được tin báo của nhân dân, **Công an xã Đ** đã đến hiện trường xác minh vụ việc, tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng.

Bà **Đặng Thị X**, Ông **Đào Hồng D**, **Ninh Văn V1** đã có đơn trình báo về việc mất trộm chó và xác định con chó bị **Linh G1** trộm cắp ngày 10/01/2026 chính là chó của gia đình mình.

Công an xã Đ đã tiến hành cân xác định trọng lượng đối với 03 con chó **L, G1** trộm cắp ngày 10/01/2026, kết quả: 01 con chó có đặc điểm màu lông trắng sữa, chó cái của gia đình ông **Đào Hồng D**, có trọng lượng 12,3 kg; 01 con chó có đặc điểm màu lông vàng xám, chó đực của gia đình bà **Đặng Thị X**, có trọng lượng 21,2 kg; 01 con chó có đặc điểm lông màu trắng xám, trên lưng có màu đen của gia đình ông **Ninh Văn V**, có trọng lượng 23 kg.

Tại bản kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 13/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản của **Ủy ban nhân dân xã Đ**, tỉnh Thái Nguyên, kết luận: 01 con chó cái, lông màu trắng sữa có trọng lượng 12,3kg, có giá trị **1.107.000đ** (Một triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng); 01 con chó đực, lông màu vàng xám có trọng lượng 21,2kg, có giá trị **1.908.000đ** (Một triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng); 01 con chó cái, lông màu trắng xám trên lưng có màu đen, có trọng lượng 23kg, có giá trị **2.070.000đ** (Hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng giá trị 03 con chó có giá trị là: **5.085.000đ** (Năm triệu, không trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Sau khi sự việc xảy ra, khoảng 21 giờ cùng ngày, **Trần Văn L** đã đến **Công an xã Đ** đầu thú về hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp dụng cụ kích điện tự chế dùng để trộm chó ngày 10/01/2026. Ngày 26/01/2026, **Đỗ Duy G** đã đến **Công an phường L** đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với **L** và **G**. Kết quả: Trần Văn Linh dương tính với ma túy nhóm MDMA, MET. **L** khai nhận, ngày 08/01/2026, **L** sử dụng ma túy tổng hợp bằng hình thức hít để đưa vào cơ thể.

Tại Kết luận giám định số 484/KL-KTHS ngày 08/3/2026 của **Phòng K, Công an tỉnh T** kết luận: ký tự chữ, số khung và ký tự chữ, số máy của xe mô tô mang BKS: 20B1-20390 bị tẩy xóa bằng cơ học. Không tìm được số khung, số máy nguyên thủy của xe.

Kết luận giám định số 582/KL -KTHS ngày 08/3/2026 của **Phòng K, Công an tỉnh T** kết luận: Biên kiểm soát xe mô tô cần giám định ký hiệu A so với Biên kiểm soát xe mô tô mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một khuôn dập, dập ra.

Tại Cơ quan điều tra, **Trần Văn L, Đỗ Duy G** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận của **L, G** phù hợp với nhau và các tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản...

Về trách nhiệm dân sự: **L, G** đã cùng nhau bồi thường cho bà **X** số tiền 1.908.000 đồng, ông **D** số tiền: 1.107.000 đồng. Do con chó của gia đình ông **V** còn sống nên đã trả lại cho ông **V**, ông **V** không có yêu cầu gì.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 con chó cái, lông màu trắng sữa có trọng lượng 12,3kg của gia đình ông **Đào Hồng D** (đã tiêu hủy do bị chết).

- 01 con chó đực, lông màu vàng xám có trọng lượng 21,2kg của gia đình bà **Đặng Thị X** (đã tiêu hủy do bị chết).

- 01 con chó cái, lông màu trắng xám trên lưng có màu đen, có trọng lượng 23kg (đã trả lại cho gia đình ông **Ninh Văn V** quản lý, chăm sóc)

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, BSK 20B1-203.90, đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi vải màu đen, đã cũ, có dây đeo (trên dây đeo này được buộc túm 3 đoạn băng dính màu đen, đoạn buộc túm giữa có gắn một công tắc bằng nhựa, bên ngoài cuốn băng dính màu đen), trong túi này có 01 (một) cục 3 dạng kích điện, được gắn liền kết kim loại và gỗ, kích thước 10cm x 6cm, đế bằng gỗ, trên thân cục này gắn một cục hình trụ tròn màu nâu, đường kính 3cm, được giữ vít bởi một mảnh kim loại nằm ngang, bên ngoài cuốn băng dính màu xanh (dạng **cục P1**), một bên có 06 (sáu) dây điện màu xanh, vàng, đỏ đầu ra ngoài trên dây có một phích cắm màu đen và một dạng ô cắm màu trắng; 01 (một) cục hình chữ nhật bên ngoài được cuốn băng dính màu đen (dạng **cục P1**), kích thước 13,5cm x 7cm, một đầu cục này có gắn hai dây điện vàng, đỏ đầu ra ngoài vào chung một ổ cắm màu trắng.

- 01 (một) đoạn gỗ kích thước 29,3cm x 3,5cm, hình dạng giống khẩu súng, chỗ tay cầm có kích thước 8cm x 3,5cm, phần dưới thân đoạn gỗ này được lắp một thanh sắt dạng mũi khoan dài 12,5 cm, đường kính 1cm (kiểu cò súng), đầu đoạn gỗ này được gắn một đoạn kim loại dạng ống, kích thước dài 2,2cm, đường kính 2cm, được buộc bởi băng dính màu vàng, đầu đoạn gỗ này được chia làm hai phần

(khe hở), phần giữa khe hở này được cài hai bó dây cao su màu vàng, mỗi bó dây cao su này có 03 dây, được bó bởi một điểm bằng dây màu xanh và cài dây cao su (dây nịt màu vàng) từ đầu đoạn gỗ này với phần cò súng.

- 01 (một) đoạn gỗ dài 31,5cm, đường kính 1,4cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một cuộn dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng.

- 01 (một) đoạn gỗ dài 30,5cm, đường kính 1cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng.

Hiện số vật chứng trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 22/CT- VKSKV5 ngày 23/4/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thái Nguyên đã quyết định truy tố **Trần Văn L**, **Đỗ Duy G** phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa các bị cáo **L**, **G** khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thái Nguyên giữ nguyên bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Trần Văn L**, **Đỗ Duy G** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt **Trần Văn L** từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt **Đỗ Duy G** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **L**, bị cáo **G** đã cùng nhau bồi thường cho bà **X** số tiền 1.908.000 đồng, cho ông **D** số tiền: 1.107.000 đồng. Do con chó của gia đình ông **V** còn sống, đã trả lại cho ông **V** quản lý, chăm sóc nên ông **V** không có yêu cầu gì.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, đã qua sử dụng do bị cáo **L** sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 Biển kiểm soát 20B1-203.90 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **L** do không có giá trị sử dụng hợp pháp.

+ 01 (một) túi vải màu đen, đã cũ, có dây đeo (trên dây đeo này được buộc túm 3 đoạn băng băng dính màu đen, đoạn buộc túm giữa có gắn một công tắc bằng nhựa, bên ngoài cuốn băng dính màu đen), trong túi này có 01 (một) cục 3 dạng kích điện, được gắn liên kết kim loại và gỗ, kích thước 10cm x 6cm, đế bằng gỗ, trên thân cục này gắn một cục hình trụ tròn màu nâu, đường kính 3cm, được giữ vít bởi một mảnh kim loại nằm ngang, bên ngoài cuốn băng dính màu xanh (dạng **cục P1**), một bên có 06 (sáu) dây điện màu xanh, vàng, đỏ đầu ra ngoài trên dây có một phích cắm màu đen và một dạng ổ cắm màu trắng; 01 (một) cục hình chữ nhật bên ngoài được cuốn băng dính màu đen (dạng **cục P1**), kích thước 13,5cm x 7cm, một đầu cục này có gắn hai dây điện vàng, đỏ đầu ra ngoài vào chung một ổ cắm màu trắng.

+ 01 (một) đoạn gỗ kích thước 29,3cm x 3,5cm, hình dạng giống khẩu súng, chỗ tay cầm có kích thước 8cm x 3,5cm, phần dưới thân đoạn gỗ này được lắp một thanh sắt dạng mũi khoan dài 12,5 cm, đường kính 1cm (kiểu cò súng), đầu đoạn gỗ này được gắn một đoạn kim loại dạng ống, kích thước dài 2,2cm, đường kính 2cm, được buộc bởi băng dính màu vàng, đầu đoạn gỗ này được chia làm hai phần (khe hở), phần giữa khe hở này được cài hai bó dây cao su màu vàng, mỗi bó dây cao su này có 03 dây, được bó bởi một điểm bằng dây màu xanh và cài dây cao su (dây nịt màu vàng) từ đầu đoạn gỗ này với phần cò súng.

+ 01 (một) đoạn gỗ dài 31,5cm, đường kính 1,4cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một cuộn dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) đoạn gỗ dài 30,5cm, đường kính 1cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **L**, bị cáo **G** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo **L**, **G** không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ 30 phút đến 14 giờ ngày 10/01/2026, **Trần Văn L** và **Đỗ Duy G** sử dụng xe mô tô gắn BKS 20B1-203.90 đèo nhau di chuyển đến khu vực các **xóm S, xóm B thuộc xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**, sử dụng dụng cụ kích điện tự chế bắn, chiếm đoạt được 02 con chó của gia đình ông **Đào Hồng D**, sinh năm 1982, trú tại **xóm V, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** và của gia đình bà **Đặng Thị X**, sinh năm 1978, trú tại **xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**, làm 02 con chó này bị chết. Khi cả hai vừa bắn làm ngất 01 con chó của gia đình ông **Ninh Văn V**, sinh năm 1981, trú tại **xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** thì bị ông **V** phát hiện, hô hoán mọi người truy đuổi và báo cáo **Công an xã Đ** lập biên bản. **L, G** bỏ chạy, 21 giờ cùng ngày **L** đến Cơ quan Công an đầu thú, ngày 26/01/2026 **G** đến Cơ quan Công an đầu thú. Tổng tài sản **L, G** chiếm đoạt được có giá trị: 5.085.000đ (năm triệu không trăm tám lăm ngàn đồng). Hiện các tài sản trộm cắp trên đã được thu hồi, do chó của bà **X**, ông **D** đã chết **L, G** đã cùng nhau bồi thường cho bà **X** số tiền 1.908.000 đồng, ông **D** số tiền: 1.107.000 đồng. Do con chó của gia đình ông **V** còn sống nên đã trả lại cho ông **V** quản lý, ông **V** không có yêu cầu bồi thường. Bà **X**, ông **D** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho **L** và **G**.

Hành vi nêu trên của **Trần Văn L, Đỗ Duy G** đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thái Nguyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

Nội dung điều 173 Bộ luật Hình sự như sau:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.. ”

[4] . Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo:

- Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuy nhiên thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đã đi vào con đường phạm tội.

- Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

Đối với bị cáo **L**: Bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, đã bị Toà án xét xử 02 lần về các tội do lỗi cố ý, mặc dù đã được xoá án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân vẫn tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản dẫn đến phạm tội. Đối với bị cáo **G**: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên do không chịu lao động chân chính, tu dưỡng bản thân, lười lao động có hành vi trộm cắp dẫn đến phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên các bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo **L**, bị cáo **G** đã ra đầu thú tại Cơ quan công an và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo **L**, bị cáo **G** phạm tội Trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm khi cùng nhau tham gia Trộm cắp tài sản ngày 10/01/2026 Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, bị cáo **L** là người khởi xướng rủ rê **G** thực hiện hành vi trộm cắp, **G** đồng ý và cùng nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào mức độ, hành vi của từng bị cáo để xem xét có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[5]. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo **L**: Xét về nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, bị cáo là người nghiện ma túy, nhân thân xấu, đã 02 lần bị Toà án xét xử về các tội do lỗi cố ý, năm 2013 bị xét xử về tội “ Cố ý gây thương tích”, năm 2021 bị xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản”, mặc dù đã được xoá án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản dẫn đến phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù cách ly bị cáo **L** ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội. Quá trình điều tra và tại phiên

toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo **G**, xét về nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong vụ án này bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên có căn cứ để xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự quy định về án treo và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cải tạo bị cáo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, cũng như vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung, thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Do 02 con chó của bà **X**, ông **D** chết, bị cáo **L**, **G** đã cùng nhau bồi thường cho bà **X** số tiền 1.908.000 đồng, ông **D** số tiền: 1.107.000 đồng, bà **X**, ông **D** không có yêu cầu gì thêm. Do con chó của gia đình ông **V** còn sống đã trả lại cho ông **V** quản lý, chăm sóc, ông **V** không có yêu cầu bồi thường gì. Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Về vật chứng vụ án:

- Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **L**, bị cáo **L** đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên bị đục số khung, số máy, biển kiểm soát không phải biển kiểm soát của xe mô tô trên. Bản kết luận giám định kết luận: Chữ ký tự chữ, số khung, ký tự chữ số máy được tẩy xóa bằng cơ học, không tìm được số khung, số máy nguyên thủy của xe. **L** khai chiếc xe trên mua của anh **Vũ Việt C**, sinh năm 1994, trú tại **xóm L, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (anh **C** đã chết năm 2024), nên không xác định được chủ xe đăng ký chiếc xe mô tô trên là ai, vì vậy không đủ cơ sở để xác định, truy nguyên nguồn gốc chiếc xe trên để xử lý đối tượng theo quy định pháp luật. Do vậy cần tịch thu nộp Nhà nước đối với chiếc xe mô tô trên bị cáo **L** sử dụng vào việc phạm tội là phù hợp.

- Đối với Biển kiểm soát 20B1- 203.90 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **L**: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định ông **Phạm Tiến L1**, đang sử dụng chiếc xe

mô tô , BKS 20B1 - 203.90, ngày đăng ký 27/02/2012; Loại xe hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn đen đỏ; Số máy: JF27E1035263; số khung: RLHJF2709BY247266, trạng thái đăng ký xe lần đầu, trạng thái xe: Đang lưu hành. Do vậy cần tịch thu, tiêu huỷ Biển kiểm soát 20B1 - 203.90 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, do BKS gắn trên chiếc xe này không có giá trị sử dụng hợp pháp.

- Đối với các vật chứng khác: + 01 (một) túi vải màu đen, đã cũ, có dây đeo (trên dây đeo này được buộc túm 3 đoạn bằng băng dính màu đen, đoạn buộc túm giữa có gắn một công tắc bằng nhựa, bên ngoài cuộn băng dính màu đen), trong túi này có 01 (một) cục 3 dạng kích điện, được gắn liền kết kim loại và gỗ, kích thước 10cm x 6cm, đế bằng gỗ, trên thân cục này gắn một cục hình trụ tròn màu nâu, đường kính 3cm, được giữ vít bởi một mảnh kim loại nằm ngang, bên ngoài cuộn băng dính màu xanh (dạng cục P1), một bên có 06 (sáu) dây điện màu xanh, vàng, đỏ đầu ra ngoài trên dây có một phích cắm màu đen và một dạng ổ cắm màu trắng; 01 (một) cục hình chữ nhật bên ngoài được cuộn băng dính màu đen (dạng cục P1), kích thước 13,5cm x 7cm, một đầu cục này có gắn hai dây điện vàng, đỏ đầu ra ngoài vào chung một ổ cắm màu trắng. + 01 (một) đoạn gỗ kích thước 29,3cm x 3,5cm, hình dạng giống khẩu súng, chỗ tay cầm có kích thước 8cm x 3,5cm, phần dưới thân đoạn gỗ này được lắp một thanh sắt dạng mũi khoan dài 12,5 cm, đường kính 1cm (kiểu cò súng), đầu đoạn gỗ này được gắn một đoạn kim loại dạng ống, kích thước dài 2,2cm, đường kính 2cm, được buộc bởi băng dính màu vàng, đầu đoạn gỗ này được chia làm hai phần (khe hở), phần giữa khe hở này được cài hai bó dây cao su màu vàng, mỗi bó dây cao su này có 03 dây, được bó bởi một điểm bằng dây màu xanh và cài dây cao su (dây nịt màu vàng) từ đầu đoạn gỗ này với phần cò súng. + 01 (một) đoạn gỗ dài 31,5cm, đường kính 1,4cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một cuộn dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng. + 01 (một) đoạn gỗ dài 30,5cm, đường kính 1cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng. Do các vật chứng này các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[9]. Về các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra xác minh đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, BSK 20B1-203.90 thu giữ của bị cáo L, L khai mua của anh Vũ Việt C từ khoảng tháng 02/2024. Quá trình sử dụng, L không tẩy xóa, thay đổi bộ phận gì của xe. Quá trình xác minh, xác định Vũ Việt C đã chết vào ngày 30/10/2024 nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

Cơ quan điều tra xác định biển kiểm soát 20B1-203.90, chủ xe là ông Phạm Tiến L1, sinh năm 1953, trú tại xóm S, phường Q, tỉnh Thái Nguyên. Loại xe: hai bánh, nhãn hiệu HONDA. Số loại: AIR BLADE, màu sơn: đen đỏ. Số máy:

JF27E1035263. Số khung: RLHJF2709BY247266. Hiện ông **L1** đang sử dụng xe mô tô và Biển kiểm soát trên.

- Đối với dụng cụ kích điện tự chế là do **Đỗ Duy G** mua của một người không rõ tên lai lịch địa chỉ trên mạng xã hội nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

- Đối với hành vi sử dụng ma túy ngày 08/01/2026 của **L**. Quá trình xác minh, xác định: Hành vi của **Trần Văn L** không cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Văn phòng Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T**, đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của **L** theo quy định là có căn cứ.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, hình phạt và các nội dung khác của vụ án tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo **L**, bị cáo **G** phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn L**, bị cáo **Đỗ Duy G** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn L** **12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/01/2026.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Duy G** **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12**(mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Đỗ Duy G** cho Ủy ban nhân **phường L, tỉnh Thái Nguyên** giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo **Đỗ Duy G**, không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án cho đến khi thi hành án. Giao bị cáo cho chính

quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi trong thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **L**, bị cáo **G**.

4. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không xem xét.

5. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, thu giữ của bị cáo **L**, xe đã qua sử dụng. Tình trạng: xe bị vỡ rời mặt nạ, vỡ kính đồng hồ công tơ mét, vỡ rời yếm bên trái, vỡ chắn bùn phía trước, vỡ kính hai gương chiếu hậu hai bên; vỡ cút chắn bùn phía sau, giữa yên xe có một vết rách vỏ bọc hồ mút bên trong, không kiểm tra được số khung, số máy.

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 Biển kiểm soát 20B1 - 203.90, gắn trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn Xanh Đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **L**.

+ 01 (một) túi vải màu đen, đã cũ, có dây đeo (trên dây đeo này được buộc túm 3 đoạn băng dính màu đen, đoạn buộc túm giữa có gắn một công tắc bằng nhựa, bên ngoài cuộn băng dính màu đen), trong túi này có 01 (một) cục dạng kích điện, được gắn liên kết kim loại và gỗ, kích thước 10cm x 6cm, đế bằng gỗ, trên thân cục này gắn một cục hình trụ tròn màu nâu, đường kính 3cm, được giữ vít bởi một mảnh kim loại nằm ngang, bên ngoài cuộn băng dính màu xanh (dạng **cục P1**), một bên có 06 (sáu) dây điện màu xanh, vàng, đỏ đầu ra ngoài trên dây có một phích cắm màu đen và một dạng ổ cắm màu trắng; 01 (một) cục hình chữ nhật bên ngoài được cuộn băng dính màu đen (dạng **cục P1**), kích thước 13,5cm x 7cm, một đầu cục này có gắn hai dây điện vàng, đỏ đầu ra ngoài vào chung một ổ cắm màu trắng. Toàn bộ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) đoạn gỗ kích thước 29,3cm x 3,5cm, hình dạng giống khẩu súng, chỗ tay cầm có kích thước 8cm x 3,5cm, phần dưới thân đoạn gỗ này được lắp một thanh sắt dạng mũi khoan dài 12,5 cm, đường kính 1cm (kiểu cò súng), đầu đoạn gỗ này được gắn một đoạn kim loại dạng ống, kích thước dài 2,2cm, đường kính 2cm, được buộc bởi băng dính màu vàng, đầu đoạn gỗ này được chia làm hai phần (khe hở), phần giữa khe hở này được cài hai bó dây cao su màu vàng, mỗi bó dây cao su này có 03 dây, được bó bởi một điểm bằng dây màu xanh và cài dây cao su (dây nịt màu vàng) từ đầu đoạn gỗ này với phần cò súng.

+ 01 (một) đoạn gỗ dài 31,5cm, đường kính 1,4cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một cuộn dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) đoạn gỗ dài 30,5cm, đường kính 1cm, một đầu được buộc, gắn hai thanh kim loại màu đen bằng băng dính màu đen (dạng đĩa), nối gắn vào một dây điện màu đen, có phích cắm màu trắng, một đầu có rãnh, đã qua sử dụng.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 61 ngày 29/4/2026 giữa Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh T và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Thái Nguyên*).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **L**, bị cáo **G** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDKV5 - Thái Nguyên;
- CQĐT Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan THAHS;
- Trại tạm giam số 1- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADSKV5 - Thái Nguyên;
- CA P. Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

TAND TP. THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 03 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....ngày 19 tháng 03 năm 2019

Tại: Phòng nghị án – Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh T3

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm L2
2. Bà Trần Kim L3

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2019/TLST - HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 đối với:

Họ và tên: Nguyễn Văn T4, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1983.

Tên gọi khác: Không

Nơi đăng ký NKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T4 phạm tội “Trộm cắp tài sản”
Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng : Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T4**: 18 (Mười tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cặp vải màu đen nhãn hiệu thủ đô vàng kích thước 50cm x 40cm x 15 cm, bên trong có 01 cặp trình kí giả da màu đỏ kích thước khoảng 30cm x 40cm.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 05(năm) hộp bút bi nhãn hiệu lần lượt là: Plog; Plog; Winner; **T; H.**

Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 95 ngày 04/01/2019).

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại nên không xem xét

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... phút, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh T3

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hội 11 giờ 30 phút, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đồng Huy H1**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mai H2**, ông **Nguyễn Quang H3**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 302/2018 /HSST ngày 18/7/2018 đối với các bị cáo **Nông Văn L4**, **Hà Sỹ P**

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Các bị cáo **Nông Văn L4**, **Hà Sỹ P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về mức hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Nông Văn L4** 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 11/5/2018.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo **Nông Văn L4** 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 96 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt đối với bị cáo **Hà Sỹ P**.

- Áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo **Hà Sỹ P** 12 (mười hai) tháng. Thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường **G2** từ ngày chấp hành bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 03 chìa khóa xe mô tô đã qua sử dụng do **Nông Văn L4** giao nộp đang được bảo quản tại kho vật chứng của chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

- Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo **Nông Văn L4**, **Hà Sỹ P**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đồng Huy Hưởng